

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD CAPITAL JSC

Số/No: 114/2026/CV-HDCAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*

- Tên Công ty
Company
- Tên giao dịch
Trading Name
- GP TL&HD số

Establishment and Operation License No

- Địa chỉ trụ sở chính

Head Office

- Điện thoại/Tel
- Fax
- Người thực hiện CBTT
Person in charge of information disclosure
- Chức danh/Title:
- Loại thông tin công bố:
Type of disclosure
- Nội dung thông tin công bố
Contents of disclosure

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD Capital JSC

HDCapital

44/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 24/11/2008, sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

License No. 44/UBCK-GP, initially issued by the State Securities Commission of Vietnam on 24 November 2008, as amended and supplemented from time to time.

Lầu 7, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP.HCM, Việt Nam.

7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

(84 28) 99986818

(84 28) 39151616

Nguyễn Thành Long

Tổng Giám đốc/ *General Director*

☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu

☒ Periodic ☐ Extraordinary ☐ Request

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2026 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ HD.

Financial Report for the Second Quarter of 2026 of HD Capital JSC.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/07/2026 tại đường dẫn: <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

This information were published on the company's website on July 20th, 2026 as in the link <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility before the law.

Tài liệu đính kèm:

Attachments:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Documents related to the disclosed information

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CBTT
PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION

DISCLOSURE

TỔNG GIÁM ĐỐC / General Director



Nguyễn Thành Long

Tp. HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD (Công ty) xin giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý 2/2026 biến động trên 10% so với quý 2/2025, cụ thể như sau:

đvt: đồng

Chỉ tiêu	Quý 2.2026	Quý 2.2025	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/(giảm)
Doanh thu	1.022.978.478	821.020.190	201.958.288	25%
Chi phí hoạt động	3.864.003.641	3.348.757.175	515.246.466	15%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.693.166.688	526.977.526	1.166.189.162	221%
Chi phí tài chính	1.628.296.238	89.916.138	1.538.380.100	1.711%
Lợi nhuận sau thuế	(2.776.154.713)	(2.090.675.597)	(685.479.116)	N/A

- Doanh thu Quý 2/2026 của Công ty tăng gần 202 triệu đồng, tương ứng tăng 25% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu hoạt động quản lý quỹ tăng đáng kể ở quý 2 năm 2026 khi công ty đã thành lập được thêm quỹ các quỹ mới. Chi phí hoạt động tăng hơn 515 triệu đồng, tương ứng tăng 15% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng chi phí nhân sự, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan đến vận hành quỹ mới trong quý 2 năm 2026. Doanh thu hoạt động tài chính tăng hơn 1.166 triệu tương ứng tăng 221% nguyên nhân chủ yếu do thị trường chứng khoán quý 2/2026 tích cực hơn quý 2/2025.

- Chi phí tài chính Quý 2/2026 của Công ty tăng hơn 1.538 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tăng trong quý 2/2026.

Do đó, lợi nhuận Quý 2/2026 của Công ty lỗ hơn 2.776 triệu đồng, tăng lỗ hơn 685 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT



Nguyễn Thành Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
1	2	3	4	5
TÀI SẢN	A			
A. Tài sản ngắn hạn	100		13,463,789,545	38,693,209,404
1. Tiền và tương đương tiền	110	7.1	10,325,397,246	18,286,875,411
- Tiền	111		6,989,975,326	9,286,875,411
- Tương đương tiền	112		3,335,421,920	9,000,000,000
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7.2	2,498,624,730	5,259,118,337
- Đầu tư ngắn hạn	121		4,982,692,655	6,075,060,871
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2,484,067,925)	(815,942,534)
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		572,552,282	14,942,084,491
- Trả trước cho người bán	132	7.3	45,338,707	40,478,707
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7.4	517,933,316	14,901,605,784
- Các khoản phải thu khác	135		9,280,259	-
4. Hàng tồn kho	140		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		67,215,287	205,131,165
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.5a	57,215,287	205,131,165
- Tài sản ngắn hạn khác	158	7.6	10,000,000	-
B. Tài sản dài hạn	200		32,593,493,597	12,840,281,736
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
- Phải thu khách hàng	211		-	-
2. Tài sản cố định	220		1,058,750,954	1,341,116,654
2.1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.7	71,867,636	33,050,000
- Nguyên giá	222		108,424,800	59,490,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36,557,164)	(26,440,000)
2.2. Tài sản cố định vô hình	227	7.8	986,883,318	1,308,066,654
- Nguyên giá	228		3,118,500,000	3,118,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,131,616,682)	(1,810,433,346)
2.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7.9	30,683,041,008	11,188,506,000
- Đầu tư vào công ty con	251		-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252		-	-
- Đầu tư dài hạn khác	253		30,683,041,008	11,188,506,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	260		851,701,635	310,659,082
- Chi phí trả trước dài hạn	261	7.5b	516,331,889	42,565,992
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
- Tài sản dài hạn khác	263	7.10	335,369,746	268,093,090
TỔNG TÀI SẢN	270		46,057,283,142	51,533,491,140

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN	B			
A. Nợ phải trả	300		467,739,172	901,122,948
I. Nợ ngắn hạn	310		467,739,172	901,122,948
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	7.11	155,569,877	75,346,514
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	7.12	116,786,814	201,720,051
5. Phải trả người lao động	315	7.11	165,011,126	374,020,383
6. Chi phí phải trả	316	7.11	30,000,000	250,036,000
8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		371,355	
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà	359		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		45,589,543,970	50,632,368,192
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	7.13	75,000,000,000	75,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(29,410,456,030)	(24,367,631,808)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	430		46,057,283,142	51,533,491,140

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
1	2	3	4
Chỉ tiêu			
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3. Tài sản nhận ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		741,442,372	741,442,372
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		26,198,400,000	12,183,900,000
6.1. Chứng khoán giao dịch		26,190,900,000	12,183,900,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		7,500,000	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		1,988,656,380	1,343,425,665
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1,988,656,380	1,343,425,665
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		986,918,643,740	986,918,643,740
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		986,918,643,740	986,918,643,740
9.1. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		228,092,190	271,722,098

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Phi Tuấn Thành

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)



Trương Ngọc Như Quỳnh

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thành Long



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 2.2026	Quý 2.2025	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	01	8.1	1,022,978,478	568,792,792	2,047,963,302	1,141,475,566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10		1,022,978,478	568,792,792	2,047,963,302	1,141,475,566
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	8.2	1,324,287,258	783,546,351	2,381,041,908	1,297,673,884
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(301,308,780)	(214,753,559)	(333,078,606)	(156,198,318)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.3	1,693,166,688	526,977,526	2,342,403,890	810,242,083
7. Chi phí tài chính	22	8.4	1,628,296,238	89,916,138	2,004,277,603	89,937,242
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.5	2,539,716,383	2,312,983,426	5,047,871,903	4,616,825,265
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(2,776,154,713)	(2,090,675,597)	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
10. Thu nhập khác	31			252,227,398		543,296,882
11. Chi phí khác	32			252,227,398		543,296,882
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2,776,154,713)	(2,090,675,597)	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
14. Thuế TNDN hiện hành	51					
15. Thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2,776,154,713)	(2,090,675,597)	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		(370)	(279)	(672)	(540)

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Phi Tuấn Thành

Phụ trách Kế toán
(Ký, họ tên)


Trương Ngọc Như Quỳnh

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 2.2026	Quý 2.2025	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,145,824,227	601,853,361	16,442,078,941	1,407,215,153
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ, và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(757,340,093)	(728,955,195)	(1,708,944,480)	(2,229,112,970)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,148,854,016)	(1,669,759,990)	(4,595,535,032)	(3,304,277,441)
4. Tiền lãi vay đã trả	04					
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05					
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		81,865,277		96,829,277	68,256,866
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(698,709,963)	(835,953,735)	(1,273,483,362)	(1,212,914,227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,377,214,568)	(2,632,815,559)	8,960,945,344	(5,270,832,619)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(67,834,800)		(392,549,086)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22					
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18,502,614,976)		(18,502,614,976)	(2,100,192,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15,744,399,000		17,237,589,000	2,141,041,096
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,053,954,600)	(28,604,591,550)	(17,014,025,600)	(29,104,591,550)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		515,038,550	17,345,555,742	515,038,550	17,345,555,742
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		607,360,401	187,946,223	1,234,138,603	468,876,515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,757,606,425)	(11,071,089,585)	(16,922,423,509)	(11,249,310,197)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31					
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32					
3. Tiền thu từ đi vay	33					
4. Tiền trả nợ gốc vay	34					
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35					
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36					
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40					
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5,134,820,993)	(13,703,905,144)	(7,961,478,165)	(16,520,142,816)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15,460,218,239	26,416,689,609	18,342,130,195	29,232,927,281
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61).	70		10,325,397,246	12,712,784,465	10,325,397,246	12,712,784,465

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

 Phi Tuấn Thành
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

 Trương Ngọc Như Quỳnh
Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

 Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Quý 2.2025	Quý 2.2026	Quý 2.2025		Quý 2.2026		Quý 2.2025	Quý 2.2026
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75,000,000,000	75,000,000,000					75,000,000,000	75,000,000,000
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(26,521,331,152)	(26,634,301,317)		2,090,675,597		2,776,154,713	(28,612,006,749)	(29,410,456,030)
Tổng cộng		48,478,668,848	48,365,698,683		2,090,675,597		2,776,154,713	46,387,993,251	45,589,543,970

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phạm Tuấn Thành

Phụ trách Kế toán
(Ký, họ tên)

Trương Ngọc Như Quỳnh

32 Lập ngày 20 tháng 07 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD
Hàng Trại
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thành Long

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Quản lý quỹ HD (tên cũ là Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24/11/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0306274696 ngày 24/11/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi gần nhất là thay lần thứ 7 ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2025 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: : 75.000.000.000 (bảy mươi lăm tỷ) đồng.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0 3 0 6 2 7 4 6 9 6

Điện thoại : +84 (028) 999 868 18

2. Ngành nghề hoạt động

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

3. Người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Trung – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Thành Long – Tổng Giám đốc.

4 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

4.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong năm kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

5 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

5.2 Cam kết kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

5.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

6 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

6.1 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá vốn của chính chứng khoán kinh doanh đó và hạch toán tăng doanh thu tài chính kể từ ngày mua. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6.3 Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.5 Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình và vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình và vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phần mềm máy tính	05-08

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

6.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của các cổ đông và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6.8 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Doanh thu từ cổ tức được chia được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

6.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

6.10 Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

7 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**7.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 VNĐ	31/12/2025 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	5.345.344.000	-
Tiền gửi ngân hàng	1.644.631.326	9.286.875.411
Tiền và các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	3.335.421.920	9.000.000.000
Cộng	10.325.397.246	18.286.875.411

7.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2026 VNĐ	31/12/2025 VNĐ
a. Tiền gửi	50.000.000	55.254.784
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng)	50.000.000	55.254.784
b. Giá gốc các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.932.692.655	6.019.806.087
+ Công ty CP Chứng khoán MB (MBS)	1.620.471.300	1.798.576.300
+ Các cổ phiếu niêm yết khác	3.312.221.355	4.221.229.787
c. Dự phòng giảm giá	(2.484.067.925)	(815.942.534)
Cộng	2.498.624.730	5.259.118.337

7.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2026 VNĐ	31/12/2025 VNĐ
- Trả trước cho người bán (Fincorp)	40.000.000	40.000.000
- Trả trước cho các người bán khác	5.338.707	478.707
Cộng	45.338.707	40.478.707

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.4 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	228.092.190	271.722.098
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	253.441.126	293.483.686
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	36.400.000	14.336.400.000
Cộng	517.933.316	14.901.605.784

7.5 Chi phí trả trước

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
a. Ngắn hạn	57.215.287	205.131.165
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ và chi phí trả trước	57.215.287	205.131.165
b. Dài hạn	516,331,889	42.565.992
Sửa chữa văn phòng	363.677.014	-
Thiết lập mới trang Web hdcap.vn	61.749.999	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ và chi phí trả trước	90.904.876	42.565.992
Cộng	573,547,176	247.697.157

7.6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
- Tạm ứng nhân viên	10.000.000	-
Cộng	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.7 Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	59.490.000
Tăng trong kỳ	48.934.800
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	108.424.800
Giá trị hao mòn	
Số đầu kỳ	26.440.000
Khấu hao trong kỳ	10.117.164
Số cuối kỳ	36.557.164
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	33.050.000
Số cuối kỳ	71.867.636

7.8 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	3.118.500.000
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	3.118.500.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu kỳ	1.810.433.346
Khấu hao trong kỳ	321.183.336
Số cuối kỳ	2.131.616.682
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	1.308.066.654
Số cuối kỳ	986.883.318

7.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2026		31/12/2025	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Trái phiếu	242.374	29.683.041.008	99.719	10.188.506.000
Góp vốn thành lập Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Tiềm năng theo Quyết định số 03.25/QĐ-HDCAP ngày 15/11/2024	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Cộng	342.374	30.683.041.008	199.719	11.188.506.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.10 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
- Ký quỹ, ký cược	335.369.746	268.093.090
Cộng	335.369.746	268.093.090

7.11 Nợ ngắn hạn

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả người bán	155.569.877	75.346.514
Phải trả người lao động	165.011.126	374.020.383
Trích phí kiểm toán năm 2026	30.000.000	32.400.000
Các khoản phải trả khác	371.355	217.636.000
Cộng	350.952.358	699.402.897

7.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
-Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNCN	201.720.051	-	390.236.919	(475.170.156)	116.786.814	-
Cộng	201.720.051	-	390.236.919	(475.170.156)	116.786.814	-

7.13 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ %	Vốn đã góp	Tỷ lệ %
- Ông Phạm Văn Đầu	39.000.000.000	52.00	39.000.000.000	52.00
- Các chủ sở hữu khác	36.000.000.000	48.00	36.000.000.000	48.00
Cộng	75.000.000.000	100.00	75.000.000.000	100.00

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	75.000.000.000	75.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	75.000.000.000	75.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	7.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.500.000	7.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	7.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.500.000	7.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

7.14 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.343.425.665	400.079.753
<i>Điều chỉnh số đầu kỳ</i>	205.901.773	-
Số tăng trong kỳ	24.393.479.936	1.332.891.283.294
- Nhận vốn ủy thác	-	665.910.000.000
- Lãi từ tiền gửi của NĐT	1.553.539	73.657.130
- Nộp tiền thanh toán phí	221.270.397	613.665.164
- Thu từ nhận cổ tức	24.170.656.000	11.038.336.000
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	655.255.625.000
Số giảm trong kỳ	23.542.347.448	1.331.947.937.382
- Phí quản lý tài khoản, phí khác	271.691.448	2.725.396.210
- Chi tiền mua chứng khoán	-	557.048.260.000
- Rút vốn ủy thác, lãi	23.270.656.000	772.174.281.172
Số dư cuối kỳ	1.988.656.380	1.343.425.665

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.15 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026**đơn vị tính: VND*

	Giá trị đầu tư	Giá trị thị trường	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư
a. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	986.918.643.740	1.499.029.787.940	512.111.144.200
Cổ phiếu niêm yết	680.627.420.000	1.195.306.564.200	514.679.144.200
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - SIP	145.523.590.000	179.622.004.200	34.098.414.200
TCP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam - VRG	27.600.000.000	11.600.000.000	(16.000.000.000)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - QTP	1.454.230.000	1.180.000.000	(274.230.000)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí-PET	506.049.600.000	1.002.904.560.000	496.854.960.000
Cổ phiếu không niêm yết	306.291.223.740	303.723.223.740	(2.568.000.000)
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (*)	3.000.000.000	432.000.000	(2.568.000.000)
- Công ty CP Khách sạn và Du lịch Thiên Thai	200.000.000.000	200.000.000.000	-
b. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-
Cộng	986.918.643.740	1.499.029.787.940	512.111.144.200

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

đơn vị tính: VND

	Giá trị đầu tư	Giá trị thị trường	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư
a. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	986.918.643.740	1.134.761.240.140	147.842.596.400
Cổ phiếu niêm yết	680.627.420.000	830.750.016.400	150.122.596.400
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - SIP	145.523.590.000	187.835.336.400	42.311.746.400
TCT Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam - VRG	27.600.000.000	14.400.000.000	(13.200.000.000)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - QTP	1.454.230.000	1.250.000.000	(204.230.000)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí-PET	506.049.600.000	627.264.680.000	121.215.080.000
Cổ phiếu không niêm yết	306.291.223.740	304.011.223.740	(2.280.000.000)
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (*)	3.000.000.000	720.000.000	(2.280.000.000)
- Công ty CP Khách sạn và Du lịch Thiên Thai	200.000.000.000	200.000.000.000	-
b. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-
Cộng	986.918.643.740	1.134.761.240.140	147.842.596.400

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường. giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

7.16 Các khoản phải trả của NĐT ủy thác.

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Phí quản lý danh mục	228.092.190	271.722.098
Cộng	228.092.190	271.722.098

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD*Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh***Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***8 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****8.1 Doanh thu**

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	397.036.351	329.798.596
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	109.200.000	109.200.000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	516.742.127	129.794.196
Cộng	1.022.978.478	568.792.792

8.2 Chi phí hoạt động kinh doanh giá vốn hàng bán

Là chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán.

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí hoạt động nghiệp vụ	1.324.287.258	783.546.351
Cộng	1.324.287.258	783.546.351

8.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	88.870.724	69.540.954
Lãi từ cổ tức, trái tức	605.889.652	118.405.269
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	998.406.312	339.031.303
Cộng	1.693.166.688	526.977.526

8.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lỗ do đầu tư chứng khoán	179.814.312	19.737.467
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	1.445.202.419	65.460.076
Chi phí tài chính khác	3.279.507	4.718.595
Cộng	1.628.296.238	89.916.138

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

8.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.539.716.383	2.312.983.426
Cộng	2.539.716.383	2.312.983.426

Trong kỳ kế toán Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



PHI TUẤN THÀNH

TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

NGUYỄN THÀNH LONG

